

EASY GRIP

EASYGRIP

Đ run g t

Bao b ọ c giày bằn g cao su b è i Tiger Grip dành cho các vùng ướt trơ t g thấm nư ớc , h ợp v ệ sinh và dép. Có nhù hợp v trùng bằn g n ồi hấp .

Những vật liệu cao cấp hơn	Cao su (NBR)
lót bên trong	SAU ĐÓ
trong Đ	SAU ĐÓ
iữa đế g	SAU ĐÓ
ngoài Đ	Cao su (NBR)
u Đứng đầ	SAU ĐÓ
i Loạ	SR, FO
Phạm vi kích thước	EU S34-37-X46-48
ng lượng thép	0.174 kg
ẩn hiêu chu	CTC Expert statement according to the CTC CE C 002_c evaluat
chứng nhận	UKCA Certificate (UK Conformity Assessed) For Footwear CTC Expert statement according to the CTC CE C 002_c evaluat DCTU OVERSHOE (Ukraine)



WHT



BLK



Tiger Grip công nghệ Tiger Grip nâng cao và khả năng bám. Chúng được làm từ hợp chất cao su có các hoa văn cũng như đường rãnh cụ thể để bám và độ ổn định.



hấp tiệt **trùng** Có thể tiệt trùng trong nồi hấp.



(SR) dây SRA/SRB/SRC. SR có nghĩa là phép thử thích xà phòng và dầ

Công nghiệp **n:**
phục vụ ăn uố n g, Hoá h oạch , Làm s v ề y h ọ c , Thự cphẩm &

ường: **Môi** t
Bề mặt cự c mịn , Có t u yế t và băng giá

Cac hương **dân ba#o tri:**
éo dài t giày, chúng tôi khuyên bạn nên v ệ sinh giày thư ờn g xuyên và bảo v ệ chúng bằng cách phù hợp. Không trên lò s

K

	Sự **miêu** t ả		ết ả	đơn vị u	**đo** lường	Đ ờn g q
goài	Đ	**Cao su (NBR)**				
	Ch ố n trượt (mài mòn)	? 150		144	mm	
	Chư ố trượt bằng - Ceramic + NaLS - Trư ợt gót v ề phía t	? 0.31		0.41	ma sát	
	rư ợt có bằng - G ố m + NaLS - Trư ợt lùi v ề phía t	? 0.36		0.47	ma sát	
	rư ợt SR - G ố m + Glycerin - Trư ợt gót phía t	? 0.19		0.30	ma sát	
	Chư ố trượt SR - G ố m + Glycerin - Trư ợt lùi về phía t	? 0.22		0.38	ma sát	
	rị ch ố Giá t g tĩnh điệ n	0.1 - 1000		180	megaohm	
	rị ESD Giá t	0.1 - 100		N/A	megaohm	
	Hấp thụ năng l ượng gót chân của	? 20		N/A	J	
	Đ ướ n g dẫ **SAU ĐÓ**					
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 100J)	N/A		N/A	mm	
	Mũi bảo h ộ ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 10kN)	N/A		N/A	mm	
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 200J)	N/A		N/A	mm	
	Mũi giày an toàn ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 15kN)	N/A		N/A	mm	

kích thước thép: 41

a chúng tôi Giày tôi có thể thay và nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có sự đồng ý bằng văn bản của chúng tôi.

hân sinh ng thái:

	Sự **miêu** t ả		ết ả	đơn vị u	**đo** lường	Đ ờn g q
	CO2 hát thả					
	V ật l iệu			0.99	kg	
	Bao bì			0.04	kg	
	ất Sản x u			3.80	kg	
	Chuyên ch ở			0.51	kg	
				5.34 kg CO2/ cặp		

	Sự **miêu** t ả	ết ả	K u	q
ệ vật l	Tiệ y **tái** ch ế			
	Product		0%	
	Bao bì		71%	

Tính toán CO2:
rị đ Các giá tròn đến hai chữ số thập phân.
Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính toán tốt nhất hiện có. Giá trị có thể thay đổi.

Hướng dẫn **kích** thước:

Sizes	S				M				L				XL		
EU	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48
UK	2,5	3	3,5	4	5	6	6,5	7	8	9	10	10,5	11	12	13
US Woman	4,5	5,5	6	6,5	7,5	8	9	9,5	10,5+						
US Men					5,5	6,5	7,5	8	9	10	10,5	11,5	12	13	13,5
JPN	21	21,5	22,5	23	24	25	25,5	26	26,5	27	28	29	30	31	31,5
KOR	225	230	235	240	250	255	260	265	270	280	285	295	300	310	315